

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-02-2023

Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa P tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Đẻ.

2. Ông Phạm Ngọc Thanh.

- Thư ký P tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia P tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **P**; địa chỉ: ấp B, xã Y, huyện B, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

- Bị đơn: Anh **H**; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị P trình bày: Chị P và anh H cưới nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn về sống chung bên chồng, thời gian đầu rất hạnh phúc và có với nhau 02 người con chung là A, sinh ngày 10/11/2006 (đang sống với chị P) và T, sinh ngày 01/01/2012 (đang sống với anh H). Những năm sau anh H thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, kiếm chuyện hành hung chị P. Chị P không sống chung được nên về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2018 đến nay.

Chị P yêu cầu được ly hôn với anh H và yêu cầu được nuôi 02 người con chung. Chị không yêu cầu cấp dưỡng và không tranh chấp về tài sản.

- *Bị đơn là anh H vắng mặt phiên tòa, nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 03/02/2023 anh H trình bày:* Anh và chị P cưới nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn. Khoảng 05 - 06 năm nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do chị P qua lại với người đàn ông khác. Anh chị đã sống ly thân 05 - 06 năm nay, mỗi người sống một nơi. Anh chị có 02 người con chung A, sinh ngày 10/11/2006 (đang sống với chị P) và T, sinh ngày 01/01/2012 (đang sống với anh H).

Anh H thống nhất ly hôn với chị P. Anh thống nhất giao A cho chị P nuôi, anh H yêu cầu nuôi T. Anh H không yêu cầu cấp dưỡng và không tranh chấp gì về tài sản.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P; giao 02 người con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai yêu cầu về cấp dưỡng và tài sản, nợ nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị P yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị P yêu cầu được ly hôn với anh H và yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết các vấn đề khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *“Ly hôn và nuôi con”*.

Anh H có đơn xin vắng mặt nên vụ án không hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được thông tin, giải thích về các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí, nhưng các đương sự đều không thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý theo quy định.

[2] Năm 2005 anh H và chị P cưới nhau và đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống,

anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn (Chị P cho rằng anh H không lo làm ăn, thường xuyên nhậu về kiếm chuyện, hành hung chị P vô cớ; anh H cho rằng chị P qua lại với người đàn ông khác) và sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay anh chị đều thống nhất ly hôn.

Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay mỗi người sống một nơi; mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị cho anh chị ly hôn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị P và anh H ly hôn.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là A, sinh ngày 10/11/2006 và T, sinh ngày 01/01/2012. Chị P yêu cầu được nuôi 02 người con; anh H yêu cầu nuôi cháu T.

Qua xác minh thì hiện nay cháu A đã đi làm thuê, có ý kiến sống chung với chị P. Mặc dù nói cháu T đang sống với anh H nhưng trên thực tế hiện nay anh H ít có ở nhà, đa phần anh H đóng cửa nhà, ít ngày mới về một lần, anh H sống chung với người phụ nữ khác; cháu T được ông bà nội chăm sóc nuôi dưỡng, hằng ngày tự đi học không ai đưa rước. Mẹ ruột của anh H cho biết hiện nay ông bà cũng đã lớn tuổi, không biết lo cho cháu T được bao lâu, nếu cháu có nguyện vọng theo chị P thì nên giao cho mẹ nuôi, chứ cháu T không chịu ở với anh H, vì hiện nay anh H đang sống chung người phụ nữ khác, hằng ngày đưa rước con riêng của người phụ nữ này đi học, anh H ít ngày mới về nhà một lần.

Tại phiên tòa, chị P trình bày nếu cháu T sống với anh H được chăm sóc tốt và cháu có nguyện vọng sống với anh H thì chị cũng đồng ý, chị cũng muốn con có cuộc sống tốt, nhưng hiện nay nội cháu kêu rước cháu đi vì cháu không chịu ở với cha và ông bà nội cũng lớn tuổi, không biết lo cho cháu được bao lâu. Cháu A và T có nguyện vọng sống chung với mẹ là chị P, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con.

Từ những phân tích trên, thấy rằng cháu T là nữ, sống với mẹ sẽ có điều kiện chăm sóc, giáo dục khi cháu phát triển về thể chất, hiện nay anh H không chăm sóc mà giao cho ông bà chăm sóc và cả 02 cháu đều có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình

giao cháu A và cháu T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng khi ly hôn: Không ai yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Anh chị không tranh chấp nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh chị trình bày không có nên không xem xét. Nếu phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 207, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh H. Chị P được ly hôn với anh H.

2- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị P, giao A, sinh ngày 10/11/2006 và T, sinh ngày 01/01/2012 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp chị P vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Về án phí sơ thẩm: Chị P chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001022 ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

4- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA P TÒA**

Ngô Trường Hận